

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN K  
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HNGĐ - ST

Ngày: 30/06/2021

Về việc: Ly hôn, tranh chấp  
về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Văn Nghi.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:** Ông Ninh Trọng Khánh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 06 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 46/2021/TLST – HNGĐ ngày 16 tháng 03 năm 2021 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 23/2021/QĐXXST – DS ngày 25 tháng 05 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 20/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P – sinh năm 1984; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Bị đơn: Anh Trần Văn C – sinh năm 1977; vắng mặt.

Nơi ĐKKHKT và trú tại: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt lần 2 không rõ lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản tiếp cận công khai chứng cứ nguyên đơn là chị Trần Thị P trình bày: Chị và anh Trần Văn C sau thời gian tự do tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau. Đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 2002 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh C được khoảng 5 năm thì anh chị ra ở riêng. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh C chơi bời, nghiện hút và không tu trí làm ăn. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Năm 2014 anh C đã bị Tòa án huyện K xử phạt tù vì tội mua bán trái phép chất ma túy. Sau khi chấp hành án trở về sinh sống tại địa phương anh C vẫn chứng nào tật

ấy. Bản thân chị khuyên bảo góp ý thì anh hành hạ, chửi bới xúc phạm chị cả về thể xác lẫn tinh thần. Chị nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và không thể chung sống cùng anh C được nữa nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Trần Văn C để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh C có ba con chung cháu Trần Thu T, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2003, cháu Trần Minh Q, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2005 và cháu Trần Minh Q1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2007. Hiện các cháu lúc ở với bố, lúc ở với mẹ. Nay ly hôn chị nhận nuôi cháu Trần Minh Q và đề nghị Tòa án giao cháu Trần Minh Q1 cho anh C nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Đối với cháu Trần Thu T hiện đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ chung : Chị và anh C tự thỏa thuận phân chia tài sản chung và công nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Bị đơn trong vụ án là anh Trần Văn C hiện đang cư trú tại nhà bố mẹ đẻ anh C là bà Lê Thị M tại xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án cho anh Trần Văn C và giao các tài liệu chứng cứ theo đề nghị của nguyên đơn, tổng đạt các văn bản tố tụng, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho anh Chiến thông qua mẹ đẻ là bà Lê Thị M. Anh C đã biết việc chị P khởi kiện xin ly hôn với mình, nhưng không có mặt làm việc tại Tòa án và cũng không có văn bản ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn cũng như về việc giải quyết vụ án.

Tại bản tự khai của cháu Trần Minh Q thì nguyện vọng cháu muốn ở với mẹ là chị Trần Thị P để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Tại bản tự khai của cháu Trần Minh Q1 thì nguyện vọng cháu muốn ở với bố là anh Trần Văn C để ổn định việc học tập cũng như sinh hoạt của cháu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự . Bị đơn chấp hành và thực hiện chưa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị P ly hôn anh Trần Văn C

- Về con chung: Giao cho chị Trần Thị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Minh Q, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2005. Giao cho anh Trần Văn C tiếp tục

chăm sóc nuôi dưỡng cháu Trần Minh Q1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2007. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

- Án phí: Chị Trần Thị P nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Thị P có đơn khởi kiện về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn với anh Trần Văn C có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Tòa án nhân dân huyện K thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Trần Văn C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không rõ lý do. Chị P có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn C có đăng ký kết hôn ngày 24 tháng 01 năm 2002 tại UBND thị trấn P, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị P và anh C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn anh chị về sinh sống tại xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do anh C thường chơi bời, nghiện hút và không tu chí làm ăn. Bản thân chị đã khuyên bảo anh C nhiều lần nhưng anh C không thay đổi. Quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án anh C không có văn bản ý kiến, không có bản tự khai và không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa anh C vẫn vắng mặt không rõ lý do. Điều này thể hiện anh C không thiện chí trong việc giải quyết mâu thuẫn để hàn gắn tình cảm vợ chồng, như vậy hôn nhân của anh chị đã rơi vào tình trạng trầm trọng.

Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân xã T thể hiện: Chị P và anh C có đăng ký kết hôn vào năm 2002 tại UBND thị trấn P là quê của anh C. Sau khi kết hôn anh chị về sống cùng bố mẹ anh C tại xóm 4, xã T, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Quá trình chung sống được khoảng 4, 5 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do anh C nghiện ma túy. Năm 2014 anh C bị Tòa án nhân dân huyện K xét xử về tội mua bán trái phép chất ma túy nên khi về địa phương sinh sống vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau. Hiện tại anh chị mỗi người sống một nơi. Nay chị P xin ly hôn anh C đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Phương và anh Chiến đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, anh chị đã không thiện chí trong việc cùng nhau giải quyết mâu thuẫn xong cũng không có biện pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ

khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị P và anh C có 3 con chung cháu Trần Thu T, sinh ngày 26 tháng 3 năm 2003, cháu Trần Minh Q, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2005 và cháu Trần Minh Q1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2007. Các cháu lúc ở với bố lúc ở với mẹ. Hiện cháu T đã trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống do vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với hai cháu Trần Minh Q và cháu Trần Minh Q1. Qua xem xét nguyện vọng thì cháu Q muốn ở với chị P còn cháu Q1 muốn ở với anh C. Chị P muốn nuôi dưỡng cháu Q và nhường quyền nuôi cháu Q1 cho anh C, về phía anh C không có quan điểm gì về việc giải quyết vụ án, nên anh C cũng không có ý kiến gì đề vấn đề giao con sau khi ly hôn.

Biên bản xác minh tại UBND xã T thể hiện cả chị P và anh C đều làm nghề tự do tại địa phương và phía chính quyền cũng không xác định được mức thu nhập của cả hai người. Tuy nhiên cả anh C và chị P đều đủ điều kiện để có thể nuôi dưỡng con sau khi ly hôn.

Căn cứ vào tình hình thực tế điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của hai bên đương sự, cũng như nguyện vọng của các con sau khi bố mẹ ly hôn, căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình nay nên giao cháu Trần Minh Q cho chị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Trần Minh Q1 cho anh C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng, hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung như vậy là phù hợp với thực tế điều kiện nuôi dưỡng con của hai bên đương sự và phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung và không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Trần Văn C được ly hôn

2. Về con chung: Giao cháu Trần Minh Q, sinh ngày 21 tháng 7 năm 2005 cho chị Trần Thị P tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Trần Minh Q1, sinh ngày 06 tháng 02 năm 2007 cho anh Trần Văn C tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống.

Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3. Về án phí: Chị Trần Thị P phải nộp 300.000 đồng ( *Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0002546 ngày 16 tháng 03 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K;
- Chi cục THA dân sự huyện K;
- UBND thị trấn P, huyện K;
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)  
Trần Thị Khanh**